

Số: 60 /NQ-HĐND

Phước Long, ngày 24 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Kế hoạch triển khai Chương trình giáo dục
phổ thông năm 2018 (lộ trình 2020 – 2025)**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG KHÓA III, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 344/2018/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai Chương trình giáo dục phổ thông; Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh Bình Phước triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12/6/2020 Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình hành động số 02-CT/TU ngày 22/7/2020 của Thị ủy Phước Long về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã, lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020-2025);

Xét Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 08/12/2020 của UBND thị xã về đề nghị thông qua kế hoạch triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (lộ trình 2020 – 2025); Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND-KTXH ngày 18/12/2020 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân thị xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (lộ trình 2020 – 2025) (có Kế hoạch kèm theo).

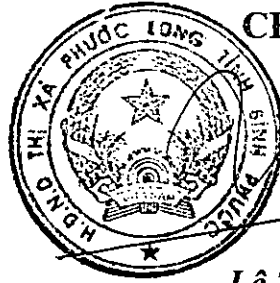
Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức triển khai thực hiện; Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, 02 Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu

Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long khóa III, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh (Tổ số 3);
- TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN TX;
- ĐB.HĐND, TV.UBND TX;
- 02 Ban HĐND thị xã;
- Các CQ, BN, ĐT;
- HĐND, UBND xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH *lh*

Lê Thanh Sơn

Số: 261/KH-UBND

Phước Long, ngày 08 tháng 12 năm 2020

KẾ HOẠCH
Triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018
(lộ trình 2020 -2025)

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai Chương trình giáo dục phổ thông; Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh Bình Phước triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 12/6/2020 Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2020 của Thị ủy Phước Long v/v thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 (lộ trình 2020 – 2025), nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

- Đẩy mạnh việc thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục phổ thông theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Xác định nhiệm vụ, giải pháp huy động các nguồn lực nhằm đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất trường, lớp học; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; nội dung, tài liệu giáo dục địa phương... để triển khai áp dụng Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với điều kiện thực tiễn của thị xã Phước Long theo đúng lộ trình quy định của Quốc hội, Chính phủ, Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Yêu cầu

- Chương trình giáo dục phổ thông đặt ra ba yêu cầu cơ bản cần đạt về phẩm chất và năng lực, đó là:

+ Hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu như yêu đất nước, yêu con người; chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm;

+ Hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi (năng lực chung cho tất cả các môn học và hoạt động giáo dục góp phần hình thành, phát triển năng lực tự chủ, tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,...) và năng lực đặc biệt (năng khiếu) của học sinh;

+ Là căn cứ để xây dựng chương trình môn học, biên soạn sách giáo khoa và tài liệu hướng dẫn tổ chức dạy học, đánh giá kết quả giáo dục học sinh,... phải dựa trên yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi.

- Đảm bảo tất cả giáo viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thị xã được triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, nội dung hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới và hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi bắt đầu triển khai áp dụng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 tuân tự đối với từng cấp học, từ năm học 2020-2021 đối với lớp 1 cấp tiểu học, từ năm học 2021-2022 đối với lớp 6 cấp trung học cơ sở và từ năm học 2022-2023 đối với lớp 10 cấp trung học phổ thông.

II. THỰC TRẠNG

1. Cấp Tiểu học

1.1. Về số trường, số lớp, số học sinh

Năm học 2020-2021 cấp tiểu học có 10 trường với 212 lớp và 6.944 học sinh. Tỷ lệ bình quân số học sinh trên lớp là 32,8 học sinh /lớp.

1.2. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

1.2.1. Về đội ngũ cán bộ quản lý

Tổng số cán bộ quản lý cấp tiểu học hiện tại có 19 người, trong đó: Hiệu trưởng có 10 người đủ so với quy định; Phó hiệu trưởng có 9 người (còn thiếu 4 người PHT ở các đơn vị: Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, tiểu học Long Giang, tiểu học Sơn Giang, tiểu học Phước Tín B).

1.2.2 Về đội ngũ giáo viên

Tổng số giáo viên hiện tại có 279 giáo viên, so với nhu cầu cần có 285 giáo viên, thiếu 6 giáo viên ở các đơn vị: trường tiểu học Sơn giang thiếu 01 giáo viên, trường tiểu học Phan Bội Châu thiếu 01 giáo viên, tiểu học Trương Vĩnh Ký thiếu 04 giáo viên. Dự kiến đến năm học 2024-2025 sẽ thiếu 60 giáo viên chưa tính giáo viên nghỉ hưu hàng năm, thiếu nhiều nhất là giáo viên giảng dạy môn Tin học, Tiếng Anh (những môn trước đây là môn học tự chọn nhưng khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới là môn học bắt buộc).

1.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

1.3.1. Về cơ sở vật chất

Số phòng học cấp tiểu học hiện có 180 phòng, trong đó có 128 phòng học

cấp 3 (tỷ lệ 71,2%), 52 phòng học cấp 4 (tỷ lệ 28,8%) cơ bản chỉ bố trí đủ cho lớp 1 học 2 buổi/ngày trong năm học 2020-2021 (các lớp còn lại chỉ được học 1 buổi/ngày); Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024-2025 dự kiến thiếu khoảng 45 phòng học để bố trí cho tất cả các lớp học 2 buổi/ngày.

1.3.2. Trang thiết bị dạy học

Trang thiết bị dạy học hiện có ở các trường tiểu học còn rất thiếu thốn, một số đã giảm sút chất lượng hoặc hư hỏng qua thời gian sử dụng. Vì vậy, để thực hiện chương trình GDPT 2018 cần phải có kế hoạch bổ sung theo quy định trong danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo hằng năm.

2. Cấp Trung học cơ sở

2.1. Về số trường, số lớp, số học sinh

Năm học 2020-2021 trên địa bàn thị xã Phước Long có 05 trường THCS với 110 lớp và 4.440 học sinh. Tỷ lệ bình quân sĩ số học sinh trên lớp là 40,4 học sinh /lớp.

2.2. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

2.2.1. Về đội ngũ cán bộ quản lý:

Tổng số cán bộ quản lý các trường THCS hiện nay 11 người, trong đó Hiệu trưởng có 5 người đủ so với quy định, Phó hiệu trưởng 6 người (thiếu 01 tại trường THCS Nguyễn Văn Trỗi).

2.2.2 Về đội ngũ giáo viên

Tổng số giáo viên THCS hiện có là 188 giáo viên, so với định mức còn thiếu 21 giáo viên ở các đơn vị: trường THCS Long Phước thiếu 10 giáo viên, trường THCS Phước Tín thiếu 02 giáo viên, trường THCS Thác Mơ thiếu 03 giáo viên, trường THCS Nguyễn Văn Trỗi thiếu 03 giáo viên, trường THCS Phước Bình thiếu 03 giáo viên. Dự kiến đến năm học 2024-2025 sẽ thiếu 73 giáo viên chưa tính giáo viên nghỉ hưu hằng năm.

2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

2.3.1. Về cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất, trường lớp cơ bản được xây dựng theo hướng hiện đại, khang trang. Năm học 2020-2021 cấp trung học cơ sở có 97 phòng học, trong đó có 84 phòng học cấp 3 đạt tỷ lệ 86,6%; 13 phòng học cấp 4 đạt tỷ lệ 13,4 %. Từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024-2025 thiếu khoảng 40 phòng học để phục vụ cho công tác dạy học.

2.3.2. Trang thiết bị dạy học

Trang thiết bị dạy học tuy đã được đầu tư hàng năm nhưng vẫn còn thiếu so với trang thiết bị dạy học tối thiểu cần có để thực hiện chương trình GDPT 2018, vì vậy hằng năm phải có kế hoạch bổ sung theo quy định trong danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Công tác tổ chức triển khai thực hiện chương trình GDPT 2018 được sự quan tâm của Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã. Cơ sở vật chất trường, lớp, trang

thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa. Mạng lưới trường lớp các cấp học được củng cố, phát triển về quy mô, đều khắp trên các địa bàn, bố trí tương đối hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động học sinh đến trường.

- Các điều kiện để triển khai chương trình GDPT mới đã được chuẩn bị. Cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng trước khi thực hiện chương trình. Công tác thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh đã tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

- Đội ngũ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi các cấp học ngày càng tăng. Chất lượng và hiệu quả giáo dục ở các cấp học ổn định, được củng cố và phát triển.

- Công tác xã hội hóa ngày càng được chú trọng, tăng cường. Các ngành, đoàn thể, nhân dân ngày càng quan tâm và tích cực hỗ trợ, đóng góp cho giáo dục và đào tạo.

2. Khó khăn

- Ở một số phường, xã số phòng học, lớp học vẫn thiếu cục bộ chưa đáp ứng đủ nhu cầu học tập của học sinh do số học sinh hằng năm tăng nhanh; thiếu phòng học lớp học ở các khu trung tâm, các khu đông dân cư, dẫn đến tình trạng số lượng học sinh quá tải. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn thiếu, một số qua thời gian sử dụng đã hư hỏng, xuống cấp. Nguồn kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất tuy đã được quan tâm bố trí nhưng so với nhu cầu vẫn còn hạn hẹp.

- Công tác tinh giảm biên chế cũng phần nào ảnh hưởng đến việc phân công công tác ở các đơn vị, những cá nhân đảm nhận nhiệm vụ mới chưa được đào tạo, bồi dưỡng lại.

- Một số trường học còn thiếu giáo viên trực tiếp giảng dạy theo định mức nhưng chưa được bổ sung đầy đủ kịp thời nên phải bố trí dạy thêm giờ.

IV. QUY MÔ PHÁT TRIỂN VÀ NHU CẦU CHO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDPT MỚI GIAI ĐOẠN 2020-2025

1. Cấp Tiểu học

- Số trường tiểu học: 10 trường

- Về đội ngũ cán bộ quản lý:

Tổng số cán bộ quản lý hiện nay 19 người, trong đó Hiệu trưởng có 10 người, đủ so với quy định, Phó hiệu trưởng có 9 người, còn thiếu 4 người Phó hiệu trưởng (các trường tiểu học Trần Hưng Đạo, tiểu học Long Giang, tiểu học Sơn Giang, tiểu học Phước Tín B) cần được kiện toàn bổ sung.

- Số học sinh, số lớp, số phòng học và nhu cầu giáo viên:

Năm học	Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025
Số HS	6.944	6.944	7.266	7.353	7.356	7.408
Số lớp	212	212	221	223	224	225
Số phòng học	180	212	221	223	224	225

Phòng học	Thiếu hàng năm cần được xây bổ sung (Tổng số 45 phòng)			-11	-7	-11	-16
		(Có biểu mẫu kèm theo)					
Giáo viên	Số GV	279	285	297	311	319	335
	Thiếu hàng năm cần được bổ sung (Tổng số 60 GV)		-6	-12	-14	-11	-17
		(Có biểu mẫu kèm theo)					

- Hàng năm cần được xây dựng thêm phòng học, bổ sung đội ngũ giáo viên còn thiếu.

- Trang thiết bị dạy học: Hằng năm đầu tư bổ sung trang thiết bị dạy học tối thiểu cần có để thực hiện chương trình GDPT 2018 theo danh mục của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Cấp Trung học cơ sở

- Số trường THCS: 10 trường.

- Về đội ngũ cán bộ quản lý:

Tổng số cán bộ quản lý hiện nay 11 người, trong đó: Hiệu trưởng có 5 người, đủ so với quy định; Phó hiệu trưởng có 6 người, còn thiếu 01 (trường THCS Nguyễn Văn Trỗi) cần được kiện toàn bổ sung.

- Số học sinh, số lớp, số phòng học và nhu cầu giáo viên:

Năm học		Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025
Số HS		4.440	4.440	4.587	4.901	5.382	5.770
Số lớp		110	110	113	118	129	137
Phòng học	Số phòng học	97	104	104	118	129	137
	Thiếu hàng năm cần được xây bổ sung (Tổng số 40 phòng)			-7	-14	-11	-8
		(Có biểu mẫu kèm theo)					
Giáo viên	Số GV	188	209	214	223	245	261
	Thiếu hàng năm cần được bổ sung (Tổng số 73 GV)		-21	-5	-9	-22	-16
		(Có biểu mẫu kèm theo)					

- Trang thiết bị dạy học: Hằng năm đầu tư bổ sung trang thiết bị dạy học tối thiểu cần có để thực hiện chương trình GDPT 2018 theo danh mục của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ kế hoạch bổ sung theo quy định trong danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo hằng năm.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác tuyên truyền

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trên địa bàn thị xã.

- Các trường phổ thông tổ chức hội nghị triển khai quán triệt sâu rộng các văn bản chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Bộ và Sở Giáo dục và Đào tạo về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cho cán bộ quản lý, giáo viên thuộc các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thị xã;

- Đẩy mạnh tuyên truyền với cha mẹ học sinh và xã hội về việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông thông qua các phương tiện thông tin;

- Các cơ quan, các đoàn thể, tổ chức xã hội, ủy ban nhân dân các phường, xã quán triệt nội dung các chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông nhằm tạo sự đồng thuận, phát huy hiệu quả sự tham gia của xã hội.

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu thực hiện

- Căn cứ vào hệ thống môn học, hoạt động giáo dục và thời lượng giáo dục của mỗi cấp học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới, tổ chức tổng rà soát hiện trạng, xác định nhu cầu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ở từng cấp học, lớp học, môn học theo lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ hiện có, tuyển dụng, bổ nhiệm đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn toàn thị xã; ưu tiên việc tuyển dụng giáo viên các môn học mới ở các cấp học.

- Lựa chọn đội ngũ giáo viên cốt cán các cấp học, các môn học để tham gia bồi dưỡng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới theo kế hoạch của Sở GD&ĐT, Bộ GD&ĐT và triển khai tập huấn, bồi dưỡng đại trà tại địa phương.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng (theo hình thức tập trung kết hợp với các hình thức khác) cho 100% CBQL, GV dạy Chương trình giáo dục phổ thông mới trước khi triển khai áp dụng.

3. Sắp xếp, quy hoạch mạng lưới trường, lớp; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài liệu để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất hiện có, từ đó điều chỉnh, bố trí, sắp xếp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng; xác định nhu cầu xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học, phòng chức năng, phòng vi tính, thư viện, nhà vệ sinh, nhà ăn... để bảo đảm đủ điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới theo từng cấp học:

- *Đối với giáo dục tiểu học:* Đầu tư xây dựng phòng học (ưu tiên để bảo đảm 1 lớp/phòng, thực hiện 100% chương trình dạy học 2 buổi/ngày ở tiểu học); xây dựng các phòng chức năng (giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, tin học, ngoại ngữ, thiết bị giáo dục, hỗ trợ giáo dục khuyết tật học hòa nhập) và thư viện;

mua sắm bổ sung thiết bị dạy học theo lộ trình và hướng dẫn của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với giáo dục trung học cơ sở: tập trung đầu tư xây dựng phòng học, phòng bộ môn, phòng thực hành thí nghiệm, phòng máy tính, thư viện và phòng hỗ trợ giáo dục khuyết tật học hòa nhập, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu (theo lộ trình và hướng dẫn của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo), thiết bị phòng học bộ môn, bàn ghế, máy tính, thiết bị phòng học ngoại ngữ và tập trung xây dựng các phòng nghệ thuật, năng khiếu.

- Chỉ đạo các trường phổ thông kiểm tra, rà soát thực trạng thiết bị dạy học hiện có để lập kế hoạch sửa chữa, thay thế, nâng cấp, mua sắm bổ sung những thiết bị dạy học cần thiết và đồng bộ nhằm đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ dạy và học theo chương trình hiện hành, đồng thời chuẩn bị cho đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Việc mua sắm mới phải đặt cơ sở khai thác sử dụng hết công suất của những thiết bị đã được trang bị, phù hợp với điều kiện kinh phí và chuẩn bị đủ nhân viên thiết bị, thí nghiệm, nhân viên vi tính khai thác sử dụng thiết bị, bảo đảm đủ số lượng, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.

4. Tăng cường thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội

- Căn cứ các nội dung chỉ đạo của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo, của Ủy ban nhân dân thị xã về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục, trường học tiếp tục đẩy mạnh củng cố mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội để đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh phổ thông.

- Các cơ quan, ban ngành có liên quan, các tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Khuyến học, Ban Đại diện Cha mẹ học sinh và các đoàn thể, tổ chức xã hội khác tiếp tục quan tâm, phối hợp kịp thời với nhà trường để giáo dục học sinh có hiệu quả cao.

VI. TIẾN ĐỘ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thực hiện theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

Xây dựng lộ trình thực hiện:

- Từ năm học 2020-2021 đối với lớp 1
- Từ năm học 2021-2022 đối với lớp 2 – lớp 6
- Từ năm học 2022-2023 đối với lớp 3 – lớp 7
- Từ năm học 2023-2024 đối với lớp 4 – lớp 8
- Từ năm học 2024-2025 đối với lớp 5 – lớp 9

1. Giai đoạn 1: Trước tháng 6 năm 2020 (đã thực hiện)

- Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất hiện có, thực hiện bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện được chương trình phổ thông mới ở lớp 1 theo lộ trình và hướng dẫn của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về thực hiện chương trình giáo dục phổ thông ở lớp 1 theo kế hoạch của

Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Giai đoạn 2: Từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021

- Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất hiện có, thực hiện bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện được chương trình phổ thông mới ở lớp 2 (tiểu học), lớp 6 (trung học cơ sở) theo lộ trình và hướng dẫn của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về thực hiện chương trình giáo dục phổ thông ở lớp 2 (tiểu học), lớp 6 (trung học cơ sở).

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Giai đoạn 3: Từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 6 năm 2022

- Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, thực hiện bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện được chương trình phổ thông mới ở lớp 3 (tiểu học), lớp 7 (trung học cơ sở) theo lộ trình và hướng dẫn của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Tiếp tục cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về thực hiện chương trình giáo dục phổ thông ở lớp 3 (tiểu học), lớp 7 (trung học cơ sở). Đảm bảo về con người và cơ sở vật chất cho bộ môn nghệ thuật.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Giai đoạn 4: Từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023

- Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, thực hiện bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo thực hiện được chương trình phổ thông mới ở lớp 4, lớp 5 (tiểu học); lớp 8, lớp 9 (trung học cơ sở) theo lộ trình và hướng dẫn của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục cử giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về thực hiện chương trình giáo dục phổ thông lớp 4, 5 (tiểu học); lớp 8, 9 (trung học cơ sở). Đảm bảo về số lượng và chất lượng giáo viên thực hiện giáo dục phổ thông.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

VII. KINH PHÍ

Xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm và giai đoạn 2020-2025 cho việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới; bố trí ngân sách địa phương, sử dụng đúng mục đích nguồn vốn từ các chương trình, đề án, dự án; huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới.

1. Kinh phí tập huấn: Kinh phí của tỉnh và kinh phí của thị xã (PGD&ĐT xây dựng hàng năm để thực hiện).

2. Kinh phí trang thiết bị dạy và học:

- Kinh phí từ ngân sách (Theo Nghị quyết 17/NQ-HĐND ngày 28/7/2020 của HĐND thị xã kinh phí cho mua sắm thiết bị dạy và học theo chương trình

GDPT lớp 2 đến lớp 5; lớp 6 đến lớp 9 là 14 tỷ 450 triệu đồng).

- Từ nguồn xã hội hóa hợp pháp khác.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành có liên quan và UBND các xã, phường tham mưu cho UBND thị xã xây dựng kế hoạch và các văn bản chỉ đạo hướng dẫn triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới. Tham mưu kế hoạch giai đoạn, kế hoạch hàng năm triển khai Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục quán triệt các văn bản chỉ đạo về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; tổ chức cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu, thảo luận, triển khai thực hiện nội dung chương trình giáo dục phổ thông trong các năm học.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ-LĐTĐ&XH rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu giáo viên ở từng môn học, lớp học để tham mưu xây dựng kế hoạch sắp xếp, bổ sung đội ngũ giáo viên, nhân viên trường học.

- Đề xuất danh mục đầu tư ưu tiên bố trí vốn cho các công trình giáo dục để thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên đầu tư, trong đó ưu tiên phòng học cho cấp tiểu học, phòng học bộ môn cho cấp trung học cơ sở.

- Chỉ đạo tổ chức rà soát cơ sở vật chất, thiết dạy học của các cơ sở giáo dục phổ thông, tham mưu UBND thị xã xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung các thiết bị còn thiếu, bảo đảm chất lượng, số lượng và kịp thời phục vụ cho chương trình giáo dục phổ thông.

- Chọn cử đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán đủ về cơ cấu, đảm bảo số lượng và chất lượng để tham gia bồi dưỡng cũng như để hỗ trợ địa phương trong quá trình bồi dưỡng đại trà. Có biện pháp và tham mưu UBND thị xã có chính sách quản lý, tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục được tham gia bồi dưỡng và tổ chức bồi dưỡng đạt hiệu quả tại địa phương. Tổ chức quản lý, đánh giá hiệu quả công tác bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trên địa bàn. Tổng hợp, báo cáo kết quả về Sở GD&ĐT, UBND thị xã kịp thời, đúng tiến độ.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã bố trí, cân đối nguồn vốn để thực hiện kế hoạch đảm bảo theo quy định; hướng dẫn, quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo từng năm, từng giai đoạn, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã.

- Tham mưu cho ủy ban nhân dân thị xã việc tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và các chương trình, dự án khác để thực hiện xây dựng thêm phòng học, phòng chức năng, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo đủ điều kiện theo yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; xây dựng đề án, bố trí cơ sở hạ tầng đảm bảo thực hiện trường học thông

minh.

3. Phòng Nội vụ - LĐTB&XH

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tổng hợp, rà soát, đánh giá thực trạng, nhu cầu giáo viên ở từng môn học, lớp học, cấp học; tham mưu xây dựng kế hoạch sắp xếp, bổ sung biên chế và đội ngũ giáo viên, nhân viên trường học đảm bảo thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo lộ trình và kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch chuẩn bị đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình, đảm bảo đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định.

4. Phòng Văn hóa và Thông tin

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thông tin tuyên truyền về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đổi mới chương trình, sách giáo khoa trên địa bàn thị xã, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền được giao theo từng năm, từng giai đoạn, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã.

5. Các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội, Ủy ban nhân dân các phường, xã

- Tích cực truyền thông tới người dân về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông để nhân dân trên địa bàn thị xã hiểu rõ hơn về việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông nói riêng và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nói chung.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo trong từng năm, từng giai đoạn, định kỳ.

6. Các cơ sở giáo dục, trường học trên địa bàn thị xã

- Tiếp tục quán triệt các văn bản chỉ đạo về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đến tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh hằng năm của đơn vị.

- Xây dựng, thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình, kế hoạch giáo dục của đơn vị để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục.

- Đổi mới trong việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ; chú ý nội dung kiểm tra phải phù hợp thực tế và có tính giáo dục tốt; chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh.

- Thực hiện nghiêm kỷ cương, nề nếp trong dạy học và kiểm tra, đánh giá. Đề cao tinh thần đổi mới, sáng tạo trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các hoạt động dạy học, giáo dục của các tổ nhóm, giáo viên theo quy định hiện hành; có hình thức biểu dương, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân thực hiện tốt,

đồng thời xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân làm sai các quy định về thực hiện chương trình; dạy thêm, học thêm.

- Đề xuất việc sửa chữa, sắp xếp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có một cách hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng; xây dựng kế hoạch đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm, bổ sung, tự làm, sưu tầm, bảo quản và sử dụng thiết bị phục vụ dạy học.


- Phối hợp với chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác truyền thông đến cha mẹ học sinh và xã hội về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

- Chỉ đạo các tổ, khối chuyên môn và giáo viên đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện phương pháp tự học và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh; tích cực đổi mới nội dung, phương thức tổ chức hoạt động dạy nghề phổ thông, giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh.

- Trong quá trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, các cơ sở giáo dục kịp thời báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện và đề xuất các biện pháp xử lý; thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu để phòng tổng hợp báo cáo về Sở GD&ĐT, UBND thị xã để có hướng khắc phục kịp thời..

Trên đây là Kế hoạch triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (lộ trình năm 2020 -2025); giao phòng GD&ĐT căn cứ tham mưu xây dựng kế hoạch chi tiết và kinh phí thực hiện từng năm theo lộ trình đề ra, trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc cần bổ sung, điều chỉnh, đề nghị các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, ủy ban nhân dân các phường, xã phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, đề xuất UBND thị xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- TT TU, HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND;
- Ban Tuyên giáo Thị ủy;
- Ủy ban MTTQVN thị xã;
- Các CQ, BN, DT thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Các trường học trên địa bàn;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT 

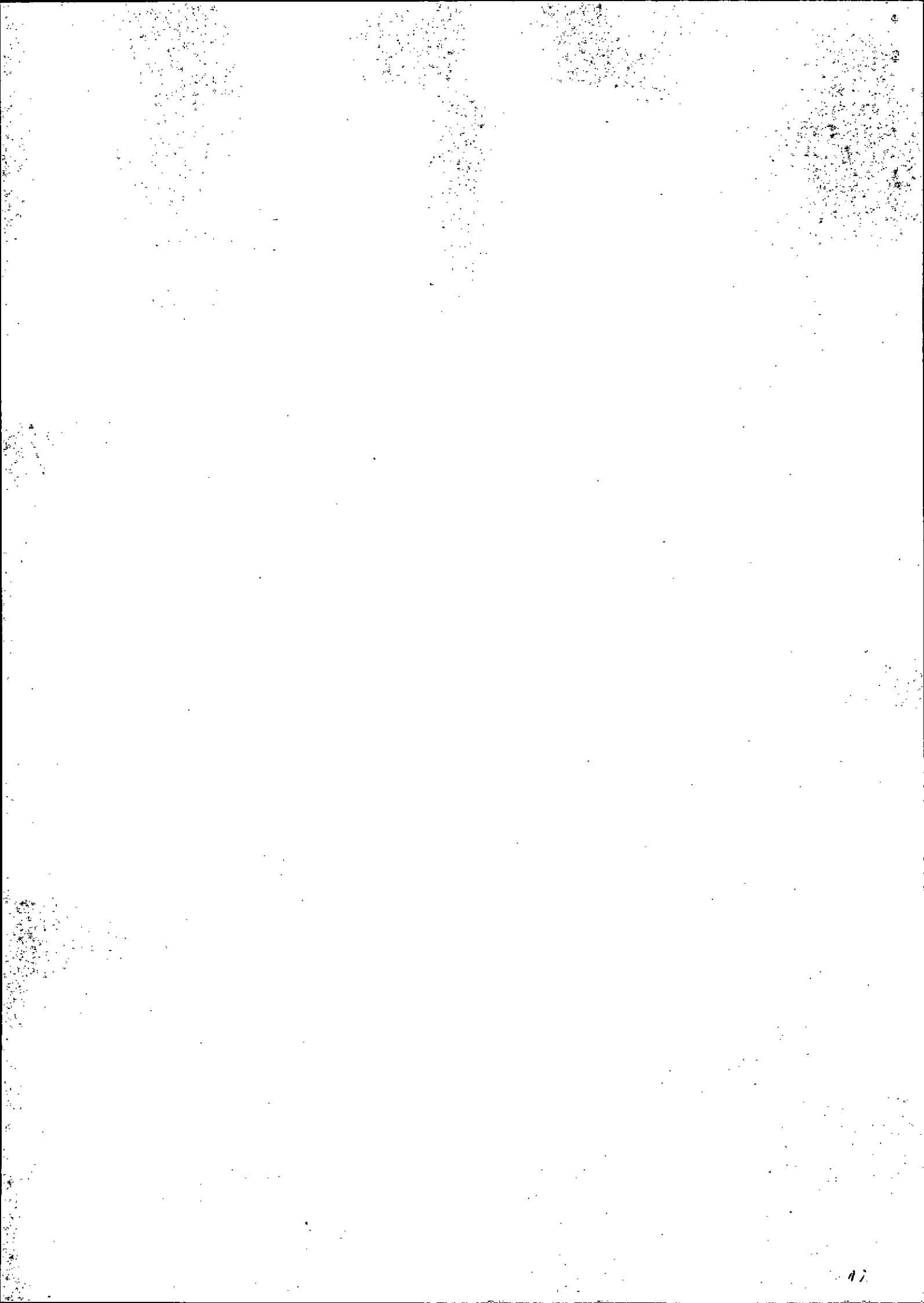
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

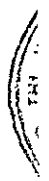


Nguyễn Văn Dũng



PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP CÁC TRƯỜNG TIÊU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ PHƯỚC LONG
 Kèm theo Kế hoạch số 261/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã

Năm học		Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú
Trường, lớp, học sinh	Lớp 1	1466	1466	1381	1415	1586	1541	
	Lớp 2	1477	1477	1472	1381	1420	1582	
	Lớp 3	1588	1588	1486	1474	1381	1420	
	Lớp 4	1329	1329	1592	1489	1482	1381	
	Lớp 5	1084	1084	1335	1594	1487	1484	
	TỔNG CỘNG	6944	6944	7266	7353	7356	7408	
Số lớp	Lớp 1	44	44	43	44	49	46	
	Lớp 2	45	45	44	43	44	49	
	Lớp 3	48	48	45	44	43	44	
	Lớp 4	42	42	48	45	43	43	
	Lớp 5	33	33	41	47	45	43	
	TỔNG CỘNG	212	212	221	223	224	225	
Cơ sở vật chất	Dự kiến	180	184	191	198	209	225	Tổng số PH thiếu: -45
				-11	-7	-11	-16	
Phòng học	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)			TVK 6; PBC 1; SG 4	TVK 3; PBC 2; SG 2	CVA 1; THD 1; TVK 3; PBC 2; SG 3; PTB 1	CVA 3; PTA 1; THD 2; LHP 1; TVK 3; LG 1; PBC 2; SG 2; PTB 1	
	Dự kiến	279	285	297	311	322	339	



Đội ngũ	GV đứng lớp	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)		-6	-12	-14	-11	-17	Tổng số GV thiếu: -60
					TVK 4; PBC 1; SG 1	CVA 1; THĐ 5; TVK 2; SG 3; PTB 1	CVA 1; PTA 2; THĐ 1; LHP 1; TVK 2; LG 1; PBC 2; SG 3; PTB 1	CVA 2; PTA 1; THĐ 2; LHP 1; TVK 2; PBC 1; SG 2	TM 2; CVA 2; PTA 1; THĐ 2; LHP 2; TVK 2; LG 1; PBC 1; SG 3; PTB 1

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP CÁC TRƯỜNG THCS TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ PHƯỚC LONG

Kèm theo Kế hoạch số 264 /KH-UBND ngày...03 tháng 02 năm 2020 của UBND thị xã

Năm học		Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú
Trường, lớp, học sinh	Lớp 6	1275	1275	1187	1422	1655	1656	
	Lớp 7	1159	1159	1241	1169	1394	1632	
	Lớp 8	1051	1051	1133	1210	1144	1365	
	Lớp 9	955	955	1026	1100	1189	1117	
	TỔNG CỘNG	4440	4440	4587	4901	5382	5770	
Số lớp	Lớp 6	32	32	29	34	38	39	
	Lớp 7	28	28	32	29	34	38	
	Lớp 8	26	26	28	29	28	32	
	Lớp 9	24	24	24	26	29	28	
	TỔNG CỘNG	110	110	113	118	129	137	
Cơ sở vật chất	Dự kiến	97	104	104	118	129	137	Tổng số PH thiếu: -40
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)			-7	-14	-11	-8	
	Dự kiến	188	209	214	223	245	261	L.P 1; PT 1; TM 2; NVT 1; PB 3

Đội ngũ	GV đứng lớp	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)		-21	-5	-9	-22	-16	Tổng số GV thiếu: -73
				LP 10; PT 2; TM 3; NVT 3; PB 3	LP 2; PT 1; NVT 2	LP 3; TM 4; NVT 2	LP 10; TM 6; NVT 2; PB 4	LP 2; PT 2; TM 4; NVT 2; PB 6	

PHỤ LỤC 3: TRƯỜNG TIỂU HỌC THÁC MƠ

Kèm theo Kế hoạch số 16.6.1 /KH-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2020 của UBND thị xã

Năm học		Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú
Trường, lớp, học sinh	Lớp 1	196	196	175	205	230	210	
	Lớp 2	200	200	198	175	210	230	
	Lớp 3	242	242	202	200	175	210	
	Lớp 4	208	208	243	205	208	175	
	Lớp 5	174	174	210	245	210	210	
	TỔNG CỘNG	1020	1020	1028	1030	1033	1035	
Số lớp	Lớp 1	6	6	5	6	7	6	
	Lớp 2	6	6	6	5	6	7	
	Lớp 3	7	7	6	6	5	6	
	Lớp 4	6	6	7	6	6	5	
	Lớp 5	5	5	6	7	6	6	
	TỔNG CỘNG	30	30	30	30	30	30	
Cơ sở vật chất	Dự kiến	30	30	30	30	30	30	
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)			0	0	0	0	
Đội ngũ GV đứng lớp	Dự kiến	43	43	43	43	43	45	
	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)		0	0	0	0	-2	

PHỤ LỤC 4: TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN

Kèm theo Kế hoạch số 2.6.1 /KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã

Năm học	Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú
Số học sinh	Lớp 1	253	253	157	170	230	245
	Lớp 2	239	239	253	157	170	230
	Lớp 3	226	226	239	253	157	170
	Lớp 4	209	209	226	239	253	157
	Lớp 5	156	156	209	226	239	253
Trường, lớp, học sinh	TỔNG CỘNG	1083	1083	1084	1045	1049	1055
	Lớp 1	7	7	5	5	6	7
	Lớp 2	7	7	7	5	5	6
	Lớp 3	6	6	7	7	5	5
	Lớp 4	6	6	6	7	7	5
Số lớp	Lớp 5	4	4	5	6	7	7
	TỔNG CỘNG	30	30	30	30	30	30
	Dự kiến	26	26	26	26	27	30
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)			0	0	-1	-3
	Dự kiến	39	39	40	41	43	45
Cơ sở vật chất	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)						
	Dự kiến	39	39	40	41	43	45
Đội ngũ	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)		0	-1	-1	-2	-2
	Dự kiến						

PHỤ LỤC 5: TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỚC TÍN A

Kèm theo KH số 2.6.1 /KH-UBND ngày...0.8 tháng...12 năm 2020 của UBND thị xã

Cơ sở vật chất	Năm học	Hiện tại	Nhu cầu	Nhu cầu	Nhu cầu	Nhu cầu	Nhu cầu	Ghi chú	
		2020-2021	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025		
Trường, lớp, học sinh	Số học sinh	Lớp 1	123	123	142	125	121	126	
		Lớp 2	136	136	122	142	125	121	
		Lớp 3	130	130	138	122	142	125	
		Lớp 4	117	117	132	138	122	142	
		Lớp 5	103	103	119	132	103	122	
	TỔNG CỘNG	609	609	653	659	613	636		
	Số lớp	Lớp 1	4	4	4	4	4	4	
		Lớp 2	4	4	4	4	4	4	
		Lớp 3	4	4	4	4	4	4	
		Lớp 4	4	4	4	4	4	4	
		Lớp 5	3	3	4	4	4	4	
	TỔNG CỘNG	19	19	20	20	20	20	20	
Phòng học	Dự kiến	19	19	19	19	19	19	20	
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)			0	0	0	0	-1	
Đội ngũ GV đứng lớp	Dự kiến	26	26	26	28	29	30		
	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)		0	0	-2	-1	-1		

PHỤ LỤC 6: TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN HƯNG ĐẠO

Kèm theo Kế hoạch số 26/L /KH-UBND ngày.../ tháng.../ năm 2020 của UBND thị xã

Năm học	Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú
Trường, lớp, học sinh	Lớp 1	167	222	180	200	190	
	Lớp 2	163	167	222	180	200	
	Lớp 3	195	163	167	222	180	
	Lớp 4	158	195	163	167	222	
	Lớp 5	105	158	195	163	167	
	TỔNG CỘNG	788	905	927	932	959	
Số lớp	Lớp 1	5	6	5	6	5	
	Lớp 2	5	5	6	5	6	
	Lớp 3	6	5	5	6	5	
	Lớp 4	5	6	5	5	6	
	Lớp 5	3	3	6	5	5	
	TỔNG CỘNG	24	27	27	27	27	
Cơ sở vật chất	Dự kiến	24	24	24	25	27	
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)		0	0	-1	-2	
Đội ngũ GV đứng lớp	Dự kiến	31	31	37	39	41	
	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)		0	-5	-1	-2	

PHỤ LỤC 7: TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ HỒNG PHONG

Kèm theo KH số 2.6.1 /KH-UBND ngày...*08* tháng...*12* năm 2020 của UBND thị xã

Năm học		Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú
Trường, lớp, học sinh	Lớp 1	184	184	175	175	172	175	
	Lớp 2	166	166	184	175	175	172	
	Lớp 3	181	181	166	184	175	175	
	Lớp 4	138	138	181	166	184	175	
	Lớp 5	150	150	138	181	166	184	
	TỔNG CỘNG	819	819	844	881	872	881	
	Lớp 1	5	5	5	5	5	5	
	Lớp 2	5	5	5	5	5	5	
	Lớp 3	5	5	5	5	5	5	
	Lớp 4	4	4	5	5	5	5	
	Lớp 5	5	5	4	5	5	5	
	TỔNG CỘNG	24	24	24	25	25	25	
Cơ sở vật chất	Dự kiến	24	24	24	24	24	25	
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)			0	0	0	-1	
Đội ngũ GV đứng lớp	Dự kiến	34	34	34	35	36	38	
	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)		0	0	-1	-1	-2	

PHỤ LỤC 8: TRƯỜNG TIỂU HỌC TRƯỜNG VĨNH KỶ

Kèm theo KH số 2.6.1 /KH-UBND ngày... 08 tháng... 20 năm 2020 của UBND thị xã

Năm học	Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú
Trường, lớp, học sinh	Lớp 1	235	235	175	210	249	215
	Lớp 2	236	236	235	175	210	245
	Lớp 3	258	258	236	235	175	210
	Lớp 4	200	200	258	236	235	175
	Lớp 5	139	139	200	258	236	235
	TỔNG CỘNG	1068	1068	1104	1114	1105	1080
Số lớp	Lớp 1	6	6	5	6	7	6
	Lớp 2	6	6	6	5	6	7
	Lớp 3	7	7	6	6	5	6
	Lớp 4	6	6	7	6	6	5
	Lớp 5	4	4	6	7	6	6
	TỔNG CỘNG	29	29	30	30	30	30
Cơ sở vật chất	Dự kiến	15	18	21	24	27	30
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)			-6	-3	-3	-3
Đội ngũ GV đứng lớp	Dự kiến	33	37	39	41	43	45
	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)		-4	-2	-2	-2	-2

PHỤ LỤC 9: TRƯỜNG TIỂU HỌC LONG GIANG

Kèm theo KH số 2.6.1 /KH-UBND ngày... 08 tháng... 2020 của UBND thị xã

Năm học	Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú
Trường, lớp, học sinh	Lớp 1	46	46	55	61	59	62
	Lớp 2	51	51	51	55	61	59
	Lớp 3	63	63	56	51	55	61
	Lớp 4	47	47	64	56	51	55
	Lớp 5	55	55	49	64	56	51
	TỔNG CỘNG	262	262	275	287	282	288
Số lớp	Lớp 1	3	3	3	3	3	3
	Lớp 2	3	3	3	3	3	3
	Lớp 3	3	3	3	3	3	3
	Lớp 4	2	2	3	3	2	3
	Lớp 5	2	2	2	2	3	2
	TỔNG CỘNG	13	13	14	14	14	14
Cơ sở vật chất	Dự kiến	13	13	13	13	13	14
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)			0	0	0	-1
Đội ngũ GV đứng lớp	Dự kiến	19	19	19	20	20	21
	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)		0	0	-1	0	-1

PHỤ LỤC 10: TRƯỜNG TIỂU HỌC PHAN BỘI CHÂU

Kèm theo KH số 2/GC.1 /KH-UBND ngày...08 tháng...12 năm 2020 của UBND thị xã

Năm học	Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú
Trường, lớp, học sinh	Lớp 1	137	137	110	140	140	
	Lớp 2	129	129	137	140	140	
	Lớp 3	157	157	129	137	110	
	Lớp 4	134	134	157	129	137	
	Lớp 5	96	96	134	157	157	
	TỔNG CỘNG	653	653	667	684	667	
	Lớp 1	3	3	3	4	4	
	Lớp 2	4	4	3	4	4	
	Lớp 3	4	4	4	3	4	
	Lớp 4	4	4	4	4	3	
	Lớp 5	3	3	4	4	4	
	TỔNG CỘNG	18	18	18	18	18	
Cơ sở vật chất	Dự kiến	11	11	12	16	18	
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)			-1	-2	-2	
Đội ngũ	Dự kiến	22	23	23	26	27	
	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)		-1	0	-1	-1	

PHỤ LỤC 11: TRƯỜNG TIỂU HỌC SƠN GIANG

Kèm theo KH số 26.1 /KH-UBND ngày... 08 tháng... 2020 của UBND thị xã

Trường, lớp, học sinh	Năm học		Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú
	Số học sinh	Số lớp							
	Lớp 1		78	78	110	115	125	140	
	Lớp 2		103	103	78	110	115	125	
	Lớp 3		87	87	103	78	110	115	
	Lớp 4		79	79	87	103	78	110	
	Lớp 5		71	71	79	87	103	78	
	TỔNG CỘNG		418	418	457	493	531	568	
	Lớp 1		3	3	4	4	4	4	
	Lớp 2		3	3	3	4	4	4	
	Lớp 3		3	3	3	3	4	4	
	Lớp 4		3	3	3	3	3	4	
	Lớp 5		2	2	3	3	3	3	
	TỔNG CỘNG		14	14	16	17	18	19	
	Dự kiến		8	9	12	14	17	19	
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)				-4	-2	-3	-2	
	Dự kiến		17	18	21	24	26	29	
	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)				-1	-3	-2	-3	
Cơ sở vật chất	Phòng học								
Đội ngũ	GV đứng lớp								

PHỤ LỤC 12: TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỚC TÍN B

Kèm theo KH số 26.1 /KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã

Cơ sở vật chất	Năm học	Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú	
Trường, lớp, học sinh	Số học sinh	Lớp 1	47	47	60	34	60	38	
		Lớp 2	54	54	47	60	34	60	
		Lớp 3	49	49	54	47	60	34	
		Lớp 4	39	39	49	54	47	60	
		Lớp 5	35	35	39	49	54	47	
	TỔNG CỘNG	224	224	249	244	255	239		
Số lớp	Lớp 1	2	2	3	2	3	2		
	Lớp 2	2	2	2	3	2	3		
	Lớp 3	3	3	2	2	3	2		
	Lớp 4	2	2	3	2	2	3		
	Lớp 5	2	2	2	3	2	2		
	TỔNG CỘNG	11	11	12	12	12	12		
Phòng học	Dự kiến	10	10	10	10	11	12		
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)			0	0	-1	-1		
GV đứng lớp	Dự kiến	15	15	16	17	17	18		
	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)		0	-1	-1	0	-1		

PHỤ LỤC 13: TRƯỜNG THCS LONG PHƯỚC

Kèm theo Kế hoạch số 26/L /KH-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2020 của UBND thị xã

Cơ sở vật chất	Năm học		Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú
	Số học sinh	Số lớp	Phòng học	GV đứng lớp					
Trường, lớp, học sinh	Lớp 6	10	411	411	382	470	590	530	
	Lớp 7	9	382	382	403	380	460	580	
	Lớp 8	8	316	316	375	390	375	450	
	Lớp 9	7	299	299	310	362	385	365	
	TỔNG CỘNG	1408	1408	1408	1470	1602	1810	1925	
Số lớp	Lớp 6	10	10	10	9	11	13	12	
	Lớp 7	9	9	9	10	9	11	13	
	Lớp 8	8	8	8	9	9	9	10	
	Lớp 9	7	7	7	7	8	9	8	
	TỔNG CỘNG	34	34	34	35	37	42	43	
Cơ sở vật chất	Dự kiến	29	29	29	29	37	42	43	
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)				0	-8	-5	-1	
Đội ngũ	Dự kiến	55	65	67	70	80	82		
	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)				-10	-2	-10	-2	

PHỤ LỤC 14: TRƯỜNG THCS PHƯỚC TÍN

Kèm theo KH số 2.6.1 /KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã

Trường, lớp, học sinh	Năm học		Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú
	Số học sinh	Số lớp							
	Lớp 6		165	165	155	160	162	173	
	Lớp 7		151	151	162	153	158	160	
	Lớp 8		153	153	145	158	152	155	
	Lớp 9		121	121	148	140	155	150	
	TỔNG CỘNG		590	590	610	611	627	638	
	Lớp 6		4	4	4	4	4	4	
	Lớp 7		4	4	4	4	4	4	
	Lớp 8		4	4	4	4	4	4	
	Lớp 9		3	3	4	4	4	5	
	TỔNG CỘNG		15	15	16	16	16	17	
Cơ sở vật chất	Dự kiến		16	16	16	16	16	17	
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)				0	0	0	-1	
Đội ngũ GV đứng lớp	Dự kiến		27	29	30	30	30	32	
	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)			-2	-1	0	0	-2	

PHỤ LỤC 15: TRƯỜNG THCS THÁC MỒ

Kèm theo KH số 2.6.1 /KH-UBND ngày...08 tháng...12 năm 2020 của UBND thị xã

Cơ sở vật chất	Năm học	Hiện tại	Nhu cầu	Nhu cầu	Nhu cầu	Nhu cầu	Nhu cầu	Ghi chú	
		2020-2021	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025		
Trường, lớp, học sinh	Số học sinh	Lớp 6	310	310	280	367	438	363	
		Lớp 7	285	285	301	278	366	437	
		Lớp 8	258	258	279	299	277	365	
		Lớp 9	261	261	253	275	295	277	
		TỔNG CỘNG	1114	1114	1113	1219	1376	1442	
				8	8	7	9	10	9
Số lớp		Lớp 6	7	7	8	7	9	10	
		Lớp 7	6	6	7	7	7	9	
		Lớp 8	7	7	6	7	7	7	
		Lớp 9	28	28	28	30	33	35	
Phòng học	Dự kiến		21	28	28	30	33	35	
		Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)			-7	-2	-3	-2	
Đội ngũ GV đứng lớp	Dự kiến		50	53	53	57	63	67	
		Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)			-3	-4	-6	-4	

PHỤ LỤC 16: TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TRỖI

Kèm theo KH số *Đ/6.1*.../KH-UBND ngày...*08*...tháng...*12*...năm 2020 của UBND thị xã

Cơ sở vật chất	Năm học	Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú	
Trường, lớp, học sinh	Số học sinh	Lớp 6	201	201	170	215	215	270	
		Lớp 7	181	181	200	168	210	210	
		Lớp 8	157	157	179	198	165	210	
		Lớp 9	112	112	155	173	197	160	
		TỔNG CỘNG	651	651	704	754	787	850	
	Số lớp	Lớp 6	5	5	4	5	5	6	
		Lớp 7	4	4	5	4	5	5	
		Lớp 8	4	4	4	5	4	5	
		Lớp 9	3	3	4	4	5	4	
		TỔNG CỘNG	16	16	17	18	19	20	
Phòng học	Dự kiến <i>Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)</i>		14	14	14	18	19	20	
GV đứng lớp	Dự kiến <i>Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)</i>		30	32	34	36	38		
Đội ngũ	GV đứng lớp		-3	-2	-2	-2	-2		

PHỤ LỤC 17: TRƯỜNG THCS PHƯỚC BÌNH

Kèm theo KH số 261.../KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã

Cơ sở vật chất	Năm học	Hiện tại 2020-2021	Nhu cầu 2020-2021	Nhu cầu 2021-2022	Nhu cầu 2022-2023	Nhu cầu 2023-2024	Nhu cầu 2024-2025	Ghi chú	
Trường, lớp, học sinh	Số học sinh	Lớp 6	188	200	210	250	320		
		Lớp 7	160	175	190	200	245		
		Lớp 8	167	155	165	175	185		
		Lớp 9	162	160	150	157	165		
		TỔNG CỘNG	677	690	715	782	915		
	Số lớp	Lớp 6	5	5	5	5	6	8	
		Lớp 7	4	4	5	5	5	6	
		Lớp 8	4	4	4	4	4	4	
		Lớp 9	4	4	3	3	4	4	
	TỔNG CỘNG	17	17	17	17	19	22		
Phòng học	Dự kiến	17	17	17	17	19	22		
	Thiếu hàng năm (cần phải được xây bổ sung)			0		-2	-3		
Đội ngũ	Dự kiến	29	32	32	32	36	42		
	Thiếu hàng năm (cần phải được bổ sung)		-3	0	0	-4	-6		



